

Quảng Trị, ngày 1 tháng 3 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Dành cho lưu học sinh Lào

(Đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ)

(Ban hành theo Quyết định số 23/QĐ - CĐSP ngày 01 tháng 3 năm 2022
của Hiệu trưởng trường CĐSP Quảng Trị)

Tên ngành, nghề:	Tin học ứng dụng
Mã ngành, nghề:	6480206
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng nghề
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm học

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Cao đẳng nghề ngành Tin học ứng dụng được thiết kế nhằm đào tạo nghề Tin học trình độ cao đẳng, có phẩm chất chính trị, yêu nghề, có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật và có tinh thần trách nhiệm. Về năng lực chuyên môn, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về công nghệ thông tin (CNTT); có khả năng thiết kế, cài đặt và bảo trì phần cứng, mạng máy tính quy mô nhỏ; ứng dụng CNTT vào các nhiệm vụ cụ thể nhằm phục vụ tốt yêu cầu chuyển đổi số, xây dựng chính phủ điện tử và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về chính trị, văn hoá xã hội và pháp luật, giáo dục thể chất, công nghệ thông tin, tiếng Việt thực hành và tiếng Anh.
- Kiến thức cơ bản về nguyên lý hoạt động và cấu trúc của máy tính, mạng máy tính và toán rời rạc.
- Xác định được yếu tố cốt lõi của các giải thuật cơ bản, cách tổ chức dữ liệu trong máy tính.
- Kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và khai thác các hệ quản trị cơ sở dữ liệu.
- Kiến thức về hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, phương pháp hạch toán kế toán, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

- Kiến thức về an toàn và bảo mật trong ứng dụng công nghệ thông tin; quy trình phát triển hệ thống phần mềm; quản trị hệ thống máy tính, mạng máy tính; các ngôn ngữ lập trình và các công cụ lập trình hiện đại.
- Có đủ vốn từ và biết cách tra cứu, đọc hiểu các tài liệu chuyên môn cần thiết bằng tiếng Anh.

b. Kỹ năng

- Vận dụng kiến thức về chính trị, pháp luật vào cuộc sống và công việc hàng ngày một cách phù hợp.
- Có thể chơi một số môn thể thao cơ bản để nâng cao sức khỏe (cầu lông, điền kinh, bóng chuyền, bóng đá,...).
- Nhận biết được một số thiết bị và sử dụng máy tính ở mức cơ bản.
- Sử dụng tiếng Việt vào nhiệm vụ học tập và hoạt động hàng ngày ở bậc 4 theo khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài.
- Sử dụng tiếng Anh cơ bản đạt trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Sử dụng tương đối thành thạo máy tính trong công việc văn phòng.
- Tìm kiếm thông tin trên mạng Internet phục vụ cho chuyên môn và quản lý doanh nghiệp; có kỹ năng cơ bản về lắp đặt và cấu hình mạng cục bộ,...
- Vận dụng các cấu trúc dữ liệu và giải thuật vào việc giải các bài toán đơn giản trên máy tính; thiết kế và quản trị các cơ sở dữ liệu trong thực tế.
- Đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành cần thiết bằng tiếng Anh.
- Cài đặt, bảo trì máy tính; Thiết kế, lắp đặt và cài đặt hệ thống mạng đơn giản; Thiết kế và quản trị Website phục vụ trong lĩnh vực giáo dục, doanh nghiệp.
- Ứng dụng kiến thức về kế toán và quản trị doanh nghiệp vào việc khai thác phần mềm kế toán.
- Số hóa dữ liệu nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, xây dựng chính phủ điện tử và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

c. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài.
- Có năng lực vận dụng những kiến thức đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc; trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao, lao động có chất lượng và năng suất cao.
- Ứng dụng công nghệ thông tin cho học tập và trong quản lý.

- Có năng lực tự học, tự tìm kiếm thông tin, làm việc độc lập, làm việc nhóm, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
- Có khả năng làm việc độc lập/nhóm trong việc khảo sát, phân tích, thiết kế và cài đặt các hệ thống thông tin cỡ nhỏ.
- Có khả năng hướng dẫn kỹ thuật viên bậc thấp; Kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện công việc của người có trình độ trung cấp nghề.
- Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào lĩnh vực sản xuất của ngành nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cho xã hội.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- + Tư vấn và chuyển giao phần mềm ứng dụng;
- + Thiết kế và quản lý Website;
- + Quản trị văn phòng;
- + Bảo trì hệ thống máy tính;
- + Quản trị mạng máy tính;
- + Quản trị hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu;
- + Số hóa dữ liệu.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô-đun: 32
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 99 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 480 giờ
- Khối lượng các môn học, mô-đun chuyên môn: 2170 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 734 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1768 giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô-đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	21	480	180	276	24
5.05.1.05	Giáo dục chính trị	3	75	41	29	5

5.48.1.02	Pháp luật	2	30	22	6	2
5.06.1.02	Giáo dục thể chất	2	60	4	52	4
5.17.1.03	Tiếng Việt thực hành (Phần 1)	2	45	20	23	2
5.17.1.04	Tiếng Việt thực hành (Phần 2)	3	75	36	36	3
5.10.1.03	Tin học	3	75	15	58	2
5.31.1.04	Tiếng Anh cơ sở 1	3	60	21	36	3
5.31.1.05	Tiếng Anh cơ sở 2	3	60	21	36	3
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	78	2170	554	1492	124
<i>II.1</i>	<i>Môn học, mô đun cơ sở</i>	<i>18</i>	<i>435</i>	<i>159</i>	<i>258</i>	<i>18</i>
5.10.3.04	Tin học văn phòng	3	75	26	46	3
5.10.3.05	Toán rời rạc	2	45	21	22	2
5.10.3.06	Kiến trúc máy tính	2	45	17	26	2
5.10.3.07	Mạng máy tính	2	45	17	26	2
5.10.3.08	Lập trình cơ bản	3	75	24	48	3
5.10.3.09	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	75	24	48	3
5.10.3.10	Hệ cơ sở dữ liệu và HQT CSDL	3	75	30	42	3
<i>II.2</i>	<i>Môn học, mô đun chuyên môn</i>	<i>42</i>	<i>1300</i>	<i>266</i>	<i>946</i>	<i>88</i>
5.10.4.11	Tiếng Anh chuyên ngành	3	60	21	36	3
5.10.4.12	Lập trình hướng đối tượng với C++	3	75	24	48	3
5.10.4.13	Quản trị mạng	4	90	26	60	4
5.10.4.14	Thiết kế trang web	3	75	24	48	3
5.10.4.15	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	2	45	19	24	2
5.10.4.16	Đồ họa ứng dụng	2	60	14	44	2
5.10.4.17	Quản lý hệ thống máy tính	3	75	22	50	3
5.03.4.01	Thương mại điện tử	3	75	22	50	3
5.03.4.02	Kế toán đại cương	3	60	33	24	3
5.03.4.03	Quản trị doanh nghiệp	2	45	25	18	2
5.10.6.18	Thực tập tốt nghiệp	14	640	36	544	60
<i>II.3</i>	<i>Môn học, mô đun tự chọn</i>	<i>18</i>	<i>435</i>	<i>129</i>	<i>288</i>	<i>18</i>
	<i>Nhóm 1. Chọn 1 HP</i>					

5.10.5.19	Lập trình với C# (1)	3	75	22	50	3
5.10.5.20	Lập trình với Java (2)	3	75	24	48	3
	Nhóm 2. Chọn 1 HP					
5.10.5.21	Microsoft SQL Server (1)	3	60	19	38	3
5.10.5.22	MySQL/MariaDB (2)	3	60	20	38	2
	Nhóm 3. Chọn 1 HP					
5.10.5.23	Lập trình web với ASP.NET (1)	3	75	22	50	3
5.10.5.24	Lập trình web với PHP (2)	3	75	24	48	3
	Nhóm 4 chọn 3 HP					
5.10.5.25	Phần mềm mã nguồn mở	3	75	24	48	3
5.10.5.26	Lập trình thiết bị di động	3	75	24	48	3
5.10.5.27	Quản lý dự án phần mềm CNTT	3	75	38	34	3
5.10.5.28	Thiết kế đa phương tiện	3	75	22	50	3
5.03.5.04	Kế toán máy	3	75	22	50	3
5.10.5.29	Thiết kế hoạt hình với Flash	3	75	24	48	3
5.10.5.30	Xử lý ảnh với Corel Draw	3	75	24	48	3
5.10.5.31	Thiết kế đồ họa 3D	3	75	24	48	3
5.10.5.32	AutoCAD	3	75	24	48	3
5.10.5.33	CMS mã nguồn mở	3	75	24	48	3
5.10.5.34	Chuyên đề 1	3	75	22	50	3
5.10.5.35	Chuyên đề 2	3	75	24	48	3
5.10.5.36	Phân tích dữ liệu, hoặc					
5.10.5.37	Hệ thống thông tin Doanh nghiệp	3	75	24	48	3
	Tổng cộng	99	2650	734	1768	148

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Đơn vị quản lý chuyên môn hướng dẫn sinh viên đăng ký các môn học, mô-đun trong nhóm tự chọn phù hợp, đảm bảo số lượng tín chỉ cần tích lũy của toàn khóa học.

4.2. Tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun

a. Việc tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện theo điều 12 về Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô-đun của Quy định việc tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo trình độ trung

cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp ban hành theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH.

- b. Thời gian và hình thức tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun được quy định và hướng dẫn cụ thể trong từng Chương trình môn học, mô-đun

4.3. Điểm môn học/mô-đun

- a. Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;
- b. Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- c. Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt 4,0 trở lên.
- d. Điểm môn học, mô-đun được tính theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân sẽ được chuyển thành điểm chữ và quy đổi sang thang điểm 4 và được xếp loại như sau:

Loại	Điểm học phần (thang điểm 10)	Điểm chữ	Điểm học phần (thang điểm 4)	Xếp loại môn học/mô-đun
Đạt	Từ 8,5 trở lên	A	4,0	Giỏi
	Từ 7,7 đến 8,4	B ⁺	3,5	Khá
	Từ 7,0 đến 7,6	B	3,0	
	Từ 6,2 đến 6,9	C ⁺	2,5	Trung bình
	Từ 5,5 đến 6,1	C	2,0	
	Từ 4,7 đến 5,4	D ⁺	1,5	Trung bình yếu
	Từ 4,0 đến 4,6	D	1,0	
Không đạt	Dưới 4,0	F	0	Kém

4.4. Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy

- a. Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i * n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- + A : là điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;
 - + i : là số thứ tự môn học, mô-đun;
 - + a_i : là điểm của môn học, mô-đun thứ i ;
 - + n_i : là số tín chỉ của môn học, mô-đun thứ i ;
 - + n : là tổng số môn học, mô-đun trong học kỳ/năm học/ khóa học hoặc số môn học, mô-đun đã tích lũy.
- b. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học, mô-đun có điểm cao nhất.
- c. Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện; kết quả đánh giá môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện công nhận tốt nghiệp và được ký vào bảng điểm cấp kèm theo bảng tốt nghiệp.

4.5. Thực tập tốt nghiệp

Thực tập tốt nghiệp được chia cho các học kỳ: Học kỳ V: 03 tuần, Học kỳ VI: 12 tuần.

4.6. Xét công nhận tốt nghiệp

4.6.1. *Điều kiện tốt nghiệp*: Người học có đủ các điều kiện sau được xét và công nhận tốt nghiệp:

- a. Tích lũy số mô-đun hoặc tín chỉ quy định cho chương trình;
- b. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;
- c. Có chứng chỉ giáo dục thể chất;
- d. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- e. Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

4.6.2. *Xếp loại tốt nghiệp*: Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4, như sau:

- a. Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b. Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

- c. Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
 - d. Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49;
- 4.6.3. Người học có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Có một môn học hoặc một mô-đun trở lên khóa học phải thi lại (không tính môn học điều kiện; môn học, mô-đun được miễn trừ);
 - b. Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học tập tại trường.
- 4.7. Chương trình đào tạo sẽ được cập nhật, điều chỉnh hàng năm. Căn cứ nhu cầu của thị trường lao động, các môn học, mô-đun có thể được thay thế bằng những môn học, mô-đun mới.

KT. HIỆU TRƯỞNG ^{lc}
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Quốc Hải